



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN

STT	Tên sản phẩm chứng nhận	Quy chuẩn, Tài liệu chứng nhận	Quy trình chứng nhận riêng	Phương thức chứng nhận
1	Thuốc nổ ANFO/ <i>ANFO Explosives</i>	QCVN 12-27:2024/BCT	TTVLN/QTCN/01	Phương thức 7 Phương thức 5
2	Thuốc nổ ANFO chịu nước/ <i>Water resistant ANFO Explosives</i>	QCVN 12-9:2022/BCT	TTVLN/QTCN/01	Phương thức 7 Phương thức 5
3	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ/ <i>Emulsion explosives for blasting in underground mines without detonation gas</i>	QCVN 12-26:2024/BCT	TTVLN/QTCN/02	Phương thức 7 Phương thức 5
4	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng/ <i>Safe emulsion explosives for use in underground mines contained super methane escape</i>	QCVN 05:2020/BCT	TTVLN/QTCN/03	Phương thức 7 Phương thức 5
5	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ/ <i>Safe emulsion explosives use in underground mines contained explosive gas</i>	QCVN 06:2020/BCT	TTVLN/QTCN/03	Phương thức 7 Phương thức 5
6	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên / <i>High energy Emulsion explosives for use in opencast</i>	QCVN 03:2020/BCT	TTVLN/QTCN/04	Phương thức 7 Phương thức 5
7	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên / <i>Emulsion explosives use in open-cast</i>	QCVN 04:2020/BCT	TTVLN/QTCN/04	Phương thức 7 Phương thức 5
8	Thuốc nổ nhũ tương tạo biên dùng cho lộ thiên và mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ/ <i>Emulsion explosives for contour blasting in opencast and underground mines, underground construction without combustible gases</i>	QCVN 12-16:2023/BCT	TTVLN/QTCN/04	Phương thức 7 Phương thức 5
9	Thuốc nổ amonit AD1/ <i>Amonite Explosive ADI</i>	QCVN 12-23:2024/BCT	TTVLN/QTCN/10	Phương thức 7 Phương thức 5
10	Thuốc nổ nhũ tương rời / <i>Bulk</i>	QCVN 12-	TTVLN/QTCN/13	Phương thức 7

STT	Tên sản phẩm chứng nhận	Quy chuẩn, Tài liệu chứng nhận	Quy trình chứng nhận riêng	Phương thức chứng nhận
	<i>Emulsion explosives</i>	10:2022/BCT		Phương thức 5
11	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói/ <i>Bulk Emulsion explosives in packages</i>	QCVN 12-2:2021/BCT	TTVLN/QTCN/13	Phương thức 7 Phương thức 5
12	Thuốc nổ TNP1/ <i>TNP1 Explosives</i>	QCVN 12-1:2021/BCT	TTVLN/QTCN/13	Phương thức 7 Phương thức 5
13	Thuốc nổ bột không có TNT dùng cho lộ thiên/ <i>Powder explosive without TNT use in open-cast</i>	QCVN 12-4:2021/BCT	TTVLN/QTCN/13	Phương thức 7 Phương thức 5
14	Thuốc nổ Trinitro toluen(TNT)/ <i>Trinitro toluen Explosive (TNT)</i>	QCVN 12-12:2022/BCT	TTVLN/QTCN/14	Phương thức 7 Phương thức 5
15	Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp/ <i>Primers for industrial explosives</i>	QCVN 12-24:2024/BCT	TTVLN/QTCN/11	Phương thức 7 Phương thức 5
16	Kíp nổ điện số 8/ <i>Electric detonator number 8</i>	QCVN 12-25:2024/BCT	TTVLN/QTCN/05	Phương thức 7 Phương thức 5
17	Kíp nổ điện vi sai/ <i>Delay electric detonator</i>	QCVN 12-28:2024/BCT	TTVLN/QTCN/05	Phương thức 7 Phương thức 5
18	Kíp nổ điện vi sai an toàn/ <i>Safety delay electric detonator</i>	QCVN 12-14:2023/BCT	TTVLN/QTCN/05	Phương thức 7 Phương thức 5
19	Kíp nổ đốt số 8/ <i>Plain detonator N^o8</i>	QCVN 12-29:2024/BCT	TTVLN/QTCN/06	Phương thức 7 Phương thức 5
20	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ/ <i>Non-electric in-hole delay detonator</i>	QCVN 12-20:2023/BCT	TTVLN/QTCN/07	Phương thức 7 Phương thức 5
21	Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ/ <i>Non-electric surface delay detonator for opencast; underground construction without combustible gases</i>	QCVN 12-21:2023/BCT	TTVLN/QTCN/07	Phương thức 7 Phương thức 5
22	Kíp nổ vi sai phi điện dùng cho mỏ hầm lò/ đường hầm không có khí bụi nổ/ <i>Non-electric delay detonator for underground construction without combustible gase</i>	QCVN 12-22:2023/BCT	TTVLN/QTCN/07	Phương thức 7 Phương thức 5
23	Kíp vi sai phi điện MS/ <i>Non-electric period delay detonators MS</i>	QCVN 12-5:2022/BCT	TTVLN/QTCN/07	Phương thức 7 Phương thức 5
24	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP/	QCVN 12-	TTVLN/QTCN/07	Phương thức 7

STT	Tên sản phẩm chứng nhận	Quy chuẩn, Tài liệu chứng nhận	Quy trình chứng nhận riêng	Phương thức chứng nhận
	<i>Non-electric period delay detonators LP</i>	6:2022/BCT		Phương thức 5
25	Dây dẫn tín hiệu nổ/ <i>Shock tube</i>	QCVN 12-15:2023/BCT	TTVLN/QTCN/07A	Phương thức 7 Phương thức 5
26	Kíp nổ điện tử/ <i>Electronic detonator</i>	QCVN 12-19:2023/BCT	TTVLN/QTCN/15	Phương thức 7 Phương thức 5
27	Dây nổ chịu nước/ <i>Water resistance Detonating cords</i>	QCVN 12-31:2024/BCT	TTVLN/QTCN/08	Phương thức 7 Phương thức 5
28	Dây nổ thường/ <i>Detonating cords</i>	QCVN 12-7:2022/BCT	TTVLN/QTCN/08	Phương thức 7 Phương thức 5
29	Dây cháy chậm công nghiệp/ <i>Industrial Safety fuse</i>	QCVN 12-30:2024/BCT	TTVLN/QTCN/09	Phương thức 7 Phương thức 5
30	Amôni Nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO (PPAN)/ <i>Ammonium Nitrate for producing ANFO explosive</i>	QCVN 03:2012/BCT	TTVLN/QTCN/12	Phương thức 7 Phương thức 5
31	Amôni Nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương (CPAN)/ <i>Ammonium Nitrate for producing emulsion explosive</i>	QCVN 05:2015/BCT	TTVLN/QTCN/12	Phương thức 7